

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 168/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Lê Hữu H; sinh năm 1990; CCCD số: 044090012301 cấp ngày 08/5/2025 và bà Đinh Hoàng Đăng U; sinh năm 1989; CCCD số: 092189012204 cấp ngày 23/7/2022, Cùng cư trú tại: tổ B, phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hữu H và bà Đinh Hoàng Đăng U đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nay là xã Q, tỉnh Quảng Trị. Mâu thuẫn xin ly hôn là bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, cả hai đã hết tình cảm vợ chồng và không còn sống chung với nhau. Hiện nay vợ chồng không muốn duy trì quan hệ vợ chồng nữa nên yêu cầu Tòa án cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông H và bà U đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: ông H và bà U khai nhận có 02 con chung là Lê Hoàng Tuyết K, sinh ngày 26/02/2015 và Lê Hoàng Kỳ H1, sinh ngày 04/02/2018. Ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận: bà U trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mỗi con 5.000.000 đồng.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự bảo đảm quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung: không yêu cầu

[3]. Về nợ chung: không có.

[4]. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông H và bà U chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 19/9/2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Hữu H và bà Đinh Hoàng Đăng U thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10 của Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nay là xã Q, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 18/3/2015 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Lê Hữu H và bà Đinh Hoàng Đăng U khai nhận 02 con chung là Lê Hoàng Tuyết K, sinh ngày 26/02/2015 và Lê Hoàng Kỳ H1, sinh ngày 04/02/2018. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Đinh Hoàng Đăng U trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Hoàng Tuyết K, sinh ngày 26/02/2015 và Lê Hoàng Kỳ H1, sinh ngày 04/02/2018.

Ông Lê Hữu H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng/1 con chung (năm triệu đồng) (10.000.000 đồng/tháng/02 con). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 10/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3. Về tài sản chung: ông H và bà U không yêu cầu

1.4. Về nợ chung: ông H và bà U khai nhận không có

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng y) ông Lê Hữu H và bà Đinh Hoàng Đăng U phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002436 ngày 18/9/2025 của Thi hành án dân sự khu vực TP Đà Nẵng. Ông H và bà U đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TPĐN;
- Phòng THADS KV 2 ĐN;
- UBND x Quảng Ninh, Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Thủy